

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Bản sửa đổi, bổ sung năm 2013)*

*Hà Nội, tháng 08/2013*



# MỤC LỤC

|                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU.....</b>                                                               | <b>7</b>  |
| <b>CHƯƠNG I: .....</b>                                                                | <b>7</b>  |
| <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>                                                      | <b>7</b>  |
| <b>Mục 1: Giải thích từ ngữ.....</b>                                                  | <b>7</b>  |
| Điều 1 .....                                                                          | 7         |
| Giải thích từ ngữ .....                                                               | 7         |
| Mục 2:.....                                                                           | 10        |
| Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động.....                                   | 10        |
| Điều 2 .....                                                                          | 10        |
| Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động .....            | 10        |
| Điều 3 .....                                                                          | 11        |
| Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng..... | 11        |
| Điều 4 .....                                                                          | 11        |
| Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng.....                 | 11        |
| Điều 5 .....                                                                          | 11        |
| Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....                                                  | 11        |
| Điều 6 .....                                                                          | 12        |
| Hoạt động ngân hàng thương mại .....                                                  | 12        |
| Điều 7 .....                                                                          | 13        |
| Hoạt động ngân hàng khác .....                                                        | 13        |
| Điều 8 .....                                                                          | 13        |
| Hoạt động bảo hiểm .....                                                              | 13        |
| Điều 9 .....                                                                          | 13        |
| Các hoạt động khác .....                                                              | 13        |
| Điều 10 .....                                                                         | 14        |
| Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động.....                                  | 14        |
| Điều 11 .....                                                                         | 14        |
| Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế.....                                     | 14        |
| Điều 12 .....                                                                         | 14        |
| Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng.....                                       | 14        |
| <b>CHƯƠNG II:.....</b>                                                                | <b>14</b> |
| <b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU .....</b>                                           | <b>14</b> |
| Mục 1:.....                                                                           | 14        |
| Vốn điều lệ.....                                                                      | 14        |
| Điều 13 .....                                                                         | 14        |
| Vốn điều lệ của Ngân hàng.....                                                        | 14        |
| Điều 14 .....                                                                         | 14        |
| Tăng, giảm vốn điều lệ .....                                                          | 14        |
| Mục 2:.....                                                                           | 14        |
| Cổ phần, Cổ phiếu.....                                                                | 14        |
| Điều 15 .....                                                                         | 14        |
| Cổ phần.....                                                                          | 14        |
| Điều 16 .....                                                                         | 15        |
| Chào bán cổ phần .....                                                                | 15        |
| Điều 17 .....                                                                         | 16        |
| Mua lại cổ phần.....                                                                  | 16        |
| Điều 18 .....                                                                         | 17        |
| Chuyển nhượng cổ phần.....                                                            | 17        |
| Điều 19 .....                                                                         | 18        |

|                                                                                                               |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Thừa kế cổ phần .....                                                                                         | 18        |
| Điều 20 .....                                                                                                 | 18        |
| Giới hạn sở hữu cổ phần .....                                                                                 | 18        |
| Điều 21 .....                                                                                                 | 19        |
| Sổ đăng ký cổ đông .....                                                                                      | 19        |
| Điều 22 .....                                                                                                 | 19        |
| Cổ phiếu/ Trái phiếu .....                                                                                    | 19        |
| <b>CHƯƠNG III: .....</b>                                                                                      | <b>20</b> |
| <b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG .....</b>                                                   | <b>20</b> |
| Mục 1: .....                                                                                                  | 20        |
| Cơ cấu tổ chức quản lý .....                                                                                  | 20        |
| Điều 23 .....                                                                                                 | 20        |
| Cơ cấu tổ chức quản lý .....                                                                                  | 21        |
| Mục 2: .....                                                                                                  | 21        |
| Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông .....                                                                         | 21        |
| Điều 24 .....                                                                                                 | 21        |
| Cổ đông .....                                                                                                 | 21        |
| Điều 25 .....                                                                                                 | 21        |
| Quyền của cổ đông .....                                                                                       | 22        |
| Điều 26 .....                                                                                                 | 22        |
| Nghĩa vụ của cổ đông .....                                                                                    | 22        |
| Cổ đông VietinBank phải có các nghĩa vụ sau: .....                                                            | 22        |
| Điều 27 .....                                                                                                 | 22        |
| Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                    | 23        |
| Điều 28 .....                                                                                                 | 23        |
| Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....                                                          | 24        |
| Điều 29 .....                                                                                                 | 24        |
| Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                           | 25        |
| Điều 30 .....                                                                                                 | 25        |
| Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....                                    | 26        |
| Điều 31 .....                                                                                                 | 26        |
| Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                       | 27        |
| Điều 32 .....                                                                                                 | 27        |
| Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....                                           | 29        |
| Điều 33 .....                                                                                                 | 29        |
| Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                            | 29        |
| Điều 34 .....                                                                                                 | 29        |
| Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                           | 30        |
| Điều 35 .....                                                                                                 | 30        |
| Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... | 31        |
| Điều 36 .....                                                                                                 | 31        |
| Thay đổi các quyền .....                                                                                      | 31        |
| Điều 37 .....                                                                                                 | 31        |
| Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                       | 31        |
| Điều 38 .....                                                                                                 | 31        |
| Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                      | 32        |
| Mục 3: .....                                                                                                  | 32        |
| Hội đồng quản trị .....                                                                                       | 32        |
| Điều 39 .....                                                                                                 | 32        |



|                                                                                       |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hội đồng quản trị .....                                                               | 32 |
| Điều 40 .....                                                                         | 33 |
| Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị .....                                     | 33 |
| Điều 41 .....                                                                         | 35 |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị .....                                                      | 35 |
| Điều 42 .....                                                                         | 36 |
| Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị .....                          | 36 |
| Điều 43 .....                                                                         | 36 |
| Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị .....                             | 36 |
| Điều 44 .....                                                                         | 37 |
| Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....                        | 37 |
| Điều 45 .....                                                                         | 37 |
| Họp Hội đồng quản trị .....                                                           | 37 |
| Điều 46 .....                                                                         | 39 |
| Điều 47 .....                                                                         | 40 |
| Biên bản họp hội đồng quản trị .....                                                  | 40 |
| Điều 48 .....                                                                         | 40 |
| Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....     | 40 |
| Điều 49 .....                                                                         | 41 |
| Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị .....                                      | 41 |
| Điều 50 .....                                                                         | 41 |
| Tổng giám đốc .....                                                                   | 41 |
| Điều 51 .....                                                                         | 43 |
| Giúp việc cho Tổng giám đốc .....                                                     | 43 |
| Điều 52 .....                                                                         | 43 |
| Lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc .....                             | 43 |
| Điều 53 .....                                                                         | 43 |
| Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc .....                    | 43 |
| Điều 54 .....                                                                         | 44 |
| Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc ..... | 44 |
| Mục 5: .....                                                                          | 45 |
| Ban kiểm soát .....                                                                   | 45 |
| Điều 55 .....                                                                         | 45 |
| Ban kiểm soát .....                                                                   | 45 |
| Điều 56 .....                                                                         | 46 |
| Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát .....                                             | 46 |
| Điều 57 .....                                                                         | 47 |
| Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát .....                                      | 47 |
| Điều 58 .....                                                                         | 48 |
| Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát .....                                  | 48 |
| Điều 59 .....                                                                         | 48 |
| Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....                                 | 48 |
| Điều 60 .....                                                                         | 48 |
| Thù lao của thành viên Ban kiểm soát .....                                            | 48 |
| Điều 61 .....                                                                         | 49 |
| Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát .....                            | 49 |
| Điều 62 .....                                                                         | 49 |
| Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....         | 49 |
| Điều 63 .....                                                                         | 51 |
| Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát .....                    | 51 |

|                                                                                  |           |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Mục 6:                                                                           | 51        |
| Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ                 | 51        |
| Điều 64                                                                          | 51        |
| Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ                                            | 51        |
| Điều 65                                                                          | 51        |
| Hệ thống kiểm toán nội bộ                                                        | 51        |
| Mục 7:                                                                           | 52        |
| Nghĩa vụ của Người điều hành, Người quản lý của VietinBank                       | 52        |
| và thành viên Ban kiểm soát                                                      | 52        |
| Điều 66                                                                          | 52        |
| Công khai các lợi ích có liên quan                                               | 52        |
| Điều 67                                                                          | 52        |
| Nghĩa vụ của Người quản lý của VietinBank và thành viên Ban kiểm soát            | 52        |
| Điều 68                                                                          | 53        |
| Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận | 53        |
| Điều 69                                                                          | 53        |
| Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường                                           | 53        |
| <b>CHƯƠNG IV:</b>                                                                | <b>54</b> |
| <b>MỐI QUAN HỆ GIỮA VIETINBANK VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN</b>                      | <b>54</b> |
| Mục 1:                                                                           | 54        |
| Các đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank                         | 54        |
| Điều 70                                                                          | 54        |
| Các Đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank                         | 54        |
| Mục 2:                                                                           | 54        |
| Quan hệ giữa VietinBank với các Đơn vị phụ thuộc                                 | 54        |
| Điều 71                                                                          | 54        |
| Quan hệ giữa VietinBank với các đơn vị phụ thuộc                                 | 54        |
| Mục 3:                                                                           | 54        |
| Quan hệ giữa VietinBank với các Công ty có liên quan                             | 54        |
| Điều 72                                                                          | 54        |
| Quản lý phần vốn góp của VietinBank tại Công ty có liên quan                     | 54        |
| Điều 73                                                                          | 54        |
| Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan                              | 54        |
| <b>CHƯƠNG V:</b>                                                                 | <b>55</b> |
| <b>CƠ CHẾ TÀI CHÍNH</b>                                                          | <b>55</b> |
| Mục 1:                                                                           | 55        |
| Hệ thống kế toán và năm tài chính                                                | 55        |
| Điều 74                                                                          | 55        |
| Hệ thống kế toán                                                                 | 55        |
| Điều 75                                                                          | 55        |
| Năm tài chính                                                                    | 55        |
| Mục 2:                                                                           | 55        |
| Kiểm toán và con dấu                                                             | 55        |
| Điều 76                                                                          | 55        |
| Kiểm toán                                                                        | 55        |
| Điều 77                                                                          | 56        |
| Con dấu                                                                          | 56        |
| Mục 3:                                                                           | 56        |
| Lợi nhuận và trích lập các quỹ                                                   | 56        |
| Điều 78                                                                          | 56        |

|                                                           |           |
|-----------------------------------------------------------|-----------|
| Trích lập quỹ .....                                       | 56        |
| Điều 79 .....                                             | 56        |
| Phân chia lợi nhuận sau thuế .....                        | 56        |
| Điều 80 .....                                             | 56        |
| Trả cổ tức .....                                          | 56        |
| <b>CHƯƠNG VI: .....</b>                                   | <b>57</b> |
| <b>SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG .....</b>                   | <b>57</b> |
| Điều 81 .....                                             | 57        |
| Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....             | 57        |
| Điều 82 .....                                             | 58        |
| Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng ..... | 58        |
| Điều 83 .....                                             | 58        |
| Chế độ lưu giữ tài liệu của VietinBank .....              | 58        |
| Điều 84 .....                                             | 59        |
| Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....        | 59        |
| <b>CHƯƠNG VII: .....</b>                                  | <b>59</b> |
| <b>TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG .....</b>   | <b>59</b> |
| Điều 85 .....                                             | 59        |
| Tổ chức lại .....                                         | 59        |
| Điều 86 .....                                             | 59        |
| Giải thể VietinBank .....                                 | 59        |
| Điều 87 .....                                             | 60        |
| Phá sản VietinBank .....                                  | 60        |
| <b>CHƯƠNG VIII: .....</b>                                 | <b>61</b> |
| <b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI .....</b>        | <b>61</b> |
| <b>VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG .....</b>                 | <b>61</b> |
| Điều 88 .....                                             | 61        |
| Giải quyết tranh chấp nội bộ .....                        | 61        |
| Điều 89 .....                                             | 61        |
| Sửa đổi và bổ sung Điều lệ .....                          | 61        |
| <b>CHƯƠNG IX: .....</b>                                   | <b>62</b> |
| <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>                          | <b>62</b> |
| Điều 90 .....                                             | 62        |
| Điều khoản chung .....                                    | 62        |

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, được thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ngày 13 tháng 07 năm 2013.

**CHƯƠNG I:**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Mục 1: Giải thích từ ngữ**

**Điều 1**      **Giải thích từ ngữ**

- 1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- 1.1 “**Ban điều hành**” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của **VietinBank** được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 1.2 “**Cổ đông**” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của **VietinBank** và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của **VietinBank** với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần.
- 1.3 “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ năm phần trăm (5%) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của **VietinBank**.
- 1.4 “**Cổ phần**” vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là một cổ phần;
- 1.5 “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do **VietinBank** phát hành hoặc ghi chép, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của **VietinBank**. Cổ phiếu **VietinBank** là cổ phiếu ghi tên.
- 1.6 “**Công ty có liên quan**” là doanh nghiệp do **VietinBank** nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ gồm công ty con và công ty liên kết.
- 1.7 “**Công ty con**”: Công ty con của **VietinBank** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - (i) **VietinBank** hoặc **VietinBank** và người có liên quan của **VietinBank** sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
  - (ii) **VietinBank** có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
  - (iii) **VietinBank** có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con;
  - (iv) **VietinBank** và người có liên quan của **VietinBank** trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng



cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên Công ty con.

- 1.8 “**Công ty liên kết**” là công ty trong đó **VietinBank** hoặc **VietinBank** và người có liên quan của **VietinBank** sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của **VietinBank**.
- 1.9 “**Đại hội đồng cổ đông**” hoặc “**Đại hội**” là cuộc họp của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của **VietinBank**.
- 1.10 “**Đề cử**” là việc một cổ đông thể nhân giới thiệu bản thân mình hoặc cá nhân khác; một cổ đông tổ chức giới thiệu đại diện của tổ chức mình hoặc cá nhân khác; một nhóm cổ đông đủ điều kiện được đề cử giới thiệu một cá nhân trong nhóm của mình hoặc một cá nhân khác ngoài nhóm của mình làm các ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát của **VietinBank**.
- 1.11 “**Đơn vị phụ thuộc**” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc **VietinBank**, bao gồm sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- 1.12 “**Luật các tổ chức tín dụng**” là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010.
- 1.13 “**Luật doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- 1.14 “**Ngân hàng Nhà nước**” là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 1.15 “**Ngày thành lập**” là ngày **VietinBank** được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 1.16 “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i) **VietinBank** với công ty con của **VietinBank** và ngược lại; các công ty con của **VietinBank** với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của **VietinBank**, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát với công ty con và ngược lại;
  - (ii) **VietinBank** với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của **VietinBank** hoặc cấp có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
  - (iii) **VietinBank** với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại **VietinBank** và ngược lại;
  - (iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
  - (v) **VietinBank** với cá nhân (theo quy định tại Điểm iv khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của **VietinBank** và ngược lại;
  - (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền;

các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

- 1.17 “**Người đại diện vốn góp của VietinBank**” là những người do Hội đồng quản trị của VietinBank cử làm đại diện phần vốn góp tại các Công ty có liên quan.
- 1.18 “**Người quản lý của VietinBank**” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Văn phòng Đại diện, Giám đốc Chi nhánh.
- 1.19 “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định này.
- 1.20 “**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:
- (i) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 44 Điều lệ này;
  - (ii) Không phải là người đang làm việc cho VietinBank hoặc các bên liên quan của VietinBank hoặc đã làm việc cho VietinBank hoặc các bên liên quan của VietinBank trong 05 năm liền kề trước đó;
  - (iii) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của VietinBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó;
  - (iv) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VietinBank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - (v) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của VietinBank, người quản lý của VietinBank hoặc công ty con của VietinBank;
  - (vi) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VietinBank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VietinBank;
  - (vii) Không liên quan đến 01 khách hàng hoặc nhà cung cấp quan trọng của VietinBank/Các bên liên quan của VietinBank
  - (viii) Không liên quan tới một tổ chức phi lợi nhuận nhận được những khoản tiền đóng góp lớn từ VietinBank/các bên liên quan của VietinBank
  - (ix) Không phải là cán bộ điều hành của một Công ty khác nơi mà một Giám đốc/Tổng giám đốc của VietinBank là thành viên HĐQT của Công ty đó
  - (x) Không phải là thành viên trong gia đình trực hệ của một cá nhân đang là, hoặc trong 05 năm gần nhất đã là, một cán bộ điều hành của VietinBank hoặc các bên liên quan của VietinBank
  - (xi) Hiện tại và trong 05 năm gần nhất không có liên quan tới và không phải là nhân viên của 01 Công ty kiểm toán hiện nay hay trước kia của VietinBank hoặc các bên liên quan của VietinBank

(xii) Không phải là cá nhân đang kiểm soát của **VietinBank** (hoặc là thành viên của một nhóm các cá nhân và/hoặc các pháp nhân kiểm soát của Vietinbank) hoặc là anh chị em, cha mẹ, ông bà, con cái, cô, dì, chú, bác, anh chị em họ, cháu của cá nhân đó hoặc là vợ, chồng, vợ góa, chồng góa, người thừa kế, người có quan hệ hôn nhân hoặc người thừa kế của những người kể trên (hoặc một ủy thác hay dàn xếp mà những cá nhân trên là người thụ hưởng duy nhất) hoặc là nhà điều hành, nhà quản lý hoặc đại diện cá nhân của bất kỳ cá nhân nào được nói đến trong mục này hiện đã chết hoặc mất năng lực hành vi.

1.21 **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.22 **"Vốn Điều lệ"** là vốn do tất cả các cổ đông thực góp và ghi tại Điều lệ này.

1.23 **"Vốn pháp định"** là vốn tối thiểu theo quy định của Pháp luật để thành lập Ngân hàng.

1.24 **Giải thích từ ngữ trong khái niệm thành viên HĐQT độc lập**

1.24.1 **"Các bên liên quan của Vietinbank"** là một cá nhân hoặc một pháp nhân nào đó kiểm soát Vietinbank, bị kiểm soát bởi Vietinbank, hoặc nằm dưới sự kiểm soát chung với Vietinbank.

1.24.2 Một cá nhân được xem là **"có liên quan"** với một bên nào đó nếu cá nhân ấy: (i) có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với bên đó; hoặc (ii) là nhân viên của bên đó.

2 Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.

3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp và Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Mục 2:**

### **Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động**

**Điều 2 Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động**

2.1 Tên Ngân hàng

(a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam

(b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Công Thương Việt Nam

(c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade

(d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **VietinBank**

2.2 Trụ sở chính của Ngân hàng:

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39421030

Fax: (84-4) 39421032

Website: [www.vietinbank.vn](http://www.vietinbank.vn)

**VietinBank** có quyền chuyển một hoặc một số bộ phận không giao dịch trực tiếp với khách hàng thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của Pháp luật.

2.3 **VietinBank** được mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước; thành lập công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu của **VietinBank** phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

2.4 **VietinBank** thành lập hoặc tham gia thành lập các công con, công ty liên kết, đơn vị sự nghiệp ở trong nước hoặc ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động tài chính ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

2.5 Thời hạn hoạt động của **VietinBank** là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

### **Điều 3 Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng**

3.1 **VietinBank** được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động theo Điều lệ và Pháp luật.

3.2 **VietinBank** có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông của **VietinBank** giới hạn trong phạm vi số vốn đã góp vào **VietinBank**.

3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của **VietinBank**.

### **Điều 4 Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng**

4.1 Tôn chỉ của **VietinBank** là trở thành một tập đoàn tài chính – ngân hàng đa năng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam; cung cấp cho xã hội danh mục đa dạng các nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng cao, phù hợp với thông lệ quốc tế; giữ vững vai trò chủ đạo và chủ lực tại Việt Nam; từng bước mở rộng thị trường và khẳng định thương hiệu, uy tín trong khu vực và quốc tế.

4.2 Lĩnh vực kinh doanh của **VietinBank** là hoạt động tài chính ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng.

4.3 Mục tiêu hoạt động của **VietinBank** là gia tăng giá trị cho cổ đông, người lao động; mang lại lợi ích cho cộng đồng; nâng giá trị cuộc sống; góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; trên cơ sở đó xây dựng **VietinBank** trở thành một tập đoàn tài chính ngân hàng mạnh, sức cạnh tranh cao, tin cậy, hiệu quả, hiện đại.

4.4 Định vị thương hiệu: Nâng giá trị cuộc sống.

### **Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

5.1 **VietinBank** tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ này và phù hợp với quy định của Pháp luật.

5.2 **VietinBank** có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

**Mục 3:**  
**Các hoạt động chính**

**Điều 6**

**Hoạt động ngân hàng thương mại**

6.1

Huy động vốn:

**VietinBank** huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, dưới các hình thức sau:

- (a) Nhận tiền gửi;
- (b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu và các công cụ nợ khác;
- (c) Vay vốn của các Tổ chức tín dụng khác, NHNN, các tổ chức khác; và
- (d) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Pháp luật.

6.2

Hoạt động tín dụng:

**VietinBank** cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng theo quy định của Pháp luật dưới các hình thức sau:

- (a) Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống và thực hiện các dự án đầu tư phát triển.
- (b) Bảo lãnh;
- (c) Cho thuê tài chính thông qua Công ty cho thuê tài chính;
- (d) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- (đ) Bao thanh toán sau khi được NHNN chấp thuận;
- (e) Các hình thức cấp tín dụng khác.

6.3

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:

- (a) Mở tài khoản, cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- (b) Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và ngoài nước; tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép.

6.4

Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng khác.

- (a) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh trên thị trường tài chính-tiền tệ trong nước và ngoài nước sau khi được NHNN chấp thuận.
- (b) Kinh doanh vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.
- (c) Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong hoạt động ngân hàng, các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác, đại lý.
- (d) Cung ứng các dịch vụ:
  - (i) Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thông qua thành lập Công ty có liên quan.
  - (ii) Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác.

6.5

Các hoạt động khác theo qui định của Pháp luật.

**Điều 7****Hoạt động ngân hàng khác**

**VietinBank** thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư trực tiếp hoặc thông qua các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm các loại hình sau:

**7.1 Đầu tư tài chính:**

- (a) Đầu tư, kinh doanh giấy tờ có giá, chứng khoán.
- (b) Góp vốn, mua cổ phần trong các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, dự án; đầu tư vốn vào các công ty trực thuộc; các hình thức góp vốn hoặc đầu tư vốn khác theo quy định của Pháp luật.
- (c) Mua, bán trái phiếu các loại, trong đó có việc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, trên nguyên tắc phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành

**7.2 Các dịch vụ về chứng khoán:**

- (a) Môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, tư vấn phát hành, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn đầu tư và các dịch vụ tư vấn khác.
- (b) Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư.
- (c) Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát.
- (d) Các dịch vụ khác về chứng khoán.

**7.3 Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, uỷ thác đầu tư, nhận uỷ thác đầu tư.****7.4 Tư vấn việc mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp; mua bán nợ theo quy định của Pháp luật.****7.5 Kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong nước và nước ngoài các sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, giá cả hàng hóa và các sản phẩm tài chính trên nguyên tắc phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.****7.6 Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của Pháp luật.****Điều 8****Hoạt động bảo hiểm**

**VietinBank** thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm thông qua công ty bảo hiểm là Công ty con, Công ty liên kết của **VietinBank** hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của Pháp luật, bao gồm:

- 8.1 Bảo hiểm nhân thọ;
- 8.2 Bảo hiểm phi nhân thọ;
- 8.3 Tái bảo hiểm; và
- 8.4 Các dịch vụ bảo hiểm khác.

**Điều 9****Các hoạt động khác**

- 9.1 Các sản phẩm dịch vụ tài chính phái sinh sau khi được NHNN chấp thuận.
- 9.2 Các dịch vụ khác về tài chính, ngân hàng, đầu tư. Thành lập công ty con để hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho **VietinBank** xử lý thu hồi nợ.
- 9.3 Được cho thuê các tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của **VietinBank** theo quy định tại Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.
- 9.4 **VietinBank** thực hiện các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Điều 10 Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động**  
Trong quá trình hoạt động, **VietinBank** tuân thủ các quy định về các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của Pháp luật có liên quan.
- Điều 11 Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế**  
11.1 **VietinBank** áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.  
11.2 **VietinBank** có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với nguyên tắc áp dụng tập quán quốc tế của Pháp luật Việt Nam.
- Điều 12 Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng**  
12.1 Các tổ chức chính trị - xã hội trong **VietinBank** hoạt động theo Hiến pháp – Pháp luật của Việt Nam và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.  
12.2 **VietinBank** tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 12.1 Điều này.

## **CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU**

### **Mục 1: Vốn điều lệ**

- Điều 13 Vốn điều lệ của Ngân hàng**  
13.1 Vốn điều lệ của **VietinBank** là 32.661.443.480.000 đồng Việt Nam (Ba mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).  
13.2 Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).  
13.3 Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích, theo tỷ lệ do pháp luật quy định.
- Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ**  
**VietinBank** có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan. Việc tăng, giảm vốn điều lệ chỉ thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

### **Mục 2: Cổ phần, Cổ phiếu**

- Điều 15 Cổ phần**  
15.1 Mỗi cổ phần của **VietinBank** có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của **VietinBank** bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.  
15.2 Toàn bộ cổ phần của **VietinBank** vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.  
15.3 Cổ phần ưu đãi  
**VietinBank** có thể phát hành một hoặc nhiều loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật. Cổ phần

- 15.4 phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.  
Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 15.5 Cổ đông có thể cầm cố cổ phần của **VietinBank** để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật nhưng không được cầm cố tại chính **VietinBank**.

## **Điều 16 Chào bán cổ phần**

- 16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá phát hành cổ phiếu theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị một cổ phần được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
- (a) Cổ phần chào bán lần đầu;
  - (b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại **VietinBank**;
  - (c) Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch được xử lý, hạch toán theo quy định của Pháp luật.
- 16.2 Trường hợp **VietinBank** phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- (a) **VietinBank** phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
  - (b) Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của **VietinBank**. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do **VietinBank** phát hành.
  - (c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
  - (d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về **VietinBank** đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của **VietinBank**) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của **VietinBank** hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
- 16.3 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 21.1 Điều 21 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký



16.4 cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của **VietinBank**. Sau khi cổ phần được bán dưới hình thức chứng chỉ, **VietinBank** phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Đối với cổ phần được bán dưới hình thức bút toán ghi sổ, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 21.1 Điều 21 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong **VietinBank**.

16.5 Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 17 Mua lại cổ phần**

17.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của **VietinBank**:

**VietinBank** có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra theo quy định sau đây:

- (a) Hội đồng quản trị **VietinBank** có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- (b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) khoản này.
- (c) **VietinBank** có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong **VietinBank**. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của **VietinBank** phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của **VietinBank**, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho **VietinBank**.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến **VietinBank** trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. **VietinBank** chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

17.2 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- (a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của **VietinBank** về việc tổ chức lại hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ **VietinBank** có quyền yêu cầu **VietinBank** mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu **VietinBank** mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến **VietinBank** trong thời hạn

10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

- (b) **VietinBank** phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 17.2 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. **VietinBank** giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

17.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- (a) **VietinBank** chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 17.1 và 17.2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, **VietinBank** vẫn tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đủ vốn pháp định theo quy định của Pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

- (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 17.1 và 17.2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

- (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với **VietinBank**.

- (d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của **VietinBank** giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì **VietinBank** phải thông báo 3 (ba) lần trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của **VietinBank** cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

## **Điều 18 Chuyển nhượng cổ phần**

- 18.1 Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế theo quy định của Pháp luật.

- 18.2 Trường hợp cổ đông có cam kết hoặc có thoả thuận không được chuyển nhượng thì trong thời hạn theo cam kết hoặc thoả thuận sẽ không được chuyển nhượng, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

- 18.3 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Cổ phiếu của **VietinBank** khi được niêm yết, việc chuyển nhượng sẽ theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- 18.4 Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

- 18.5 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

- 18.5.1 Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu;

- 18.5.2 Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.
- 18.6 Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của **VietinBank** không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
- 18.7 Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
- 18.7.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- 18.7.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
- 18.7.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật các tổ chức tín dụng.
- Điều 19 Thừa kế cổ phần**
- 19.1 Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.
- 19.2 Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của **VietinBank**, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- 19.3 Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.
- Điều 20 Giới hạn sở hữu cổ phần**
- 20.1 Cổ đông là cá nhân được sở hữu cổ phần không quá 10% vốn điều lệ của **VietinBank**.
- 20.2 Cổ đông là tổ chức được sở hữu cổ phần không quá 20% vốn điều lệ của **VietinBank** trừ trường hợp tổ chức đại diện cho số cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước.
- 20.3 Tỷ lệ giới hạn sở hữu của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của **VietinBank** được xác định theo quy định của Pháp luật.
- 20.4 Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của **VietinBank**.
- 20.5 Việc sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ nêu trên phải được NHNN chấp thuận theo quy định của Pháp luật.
- 20.6 Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

- Điều 21**      **Sổ đăng ký cổ đông**
- 21.1      Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi **VietinBank** được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a)      Tên, địa chỉ trụ sở chính của **VietinBank**.
  - (b)      Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
  - (c)      Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
  - (d)      Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
  - (e)      Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 21.2      Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của **VietinBank** hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu hoặc trích lục, sao chép hồ sơ liên quan vốn cổ phần của mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của **VietinBank** hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
- 21.3      Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của **VietinBank** hoặc nắm giữ một tỷ lệ sở hữu khác theo quy định của Pháp luật có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó, nếu pháp luật có yêu cầu.
- 21.4      Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông, ngoại trừ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 101 Luật Doanh nghiệp.
- Điều 22**      **Cổ phiếu/ Trái phiếu**
- 22.1      Cổ đông của **VietinBank** được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 22.7 Điều này.
- 22.2      Cổ phiếu của **VietinBank** phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a)      Tên, địa chỉ trụ sở chính của **VietinBank**.
  - (b)      Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - (c)      Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
  - (d)      Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
  - (e)      Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên.
  - (f)      Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
  - (g)      Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của **VietinBank**.
  - (h)      Số đăng ký của cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
  - (i)      Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp.

- đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi, nếu có.
- 22.3 Trong thời hạn tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần hoặc trong thời hạn hai (2) tháng kể từ ngày **VietinBank** hoàn tất các thủ tục tăng vốn, đăng ký tên cổ đông theo phương án tăng vốn mới, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho **VietinBank** chi phí in cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 22.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và **VietinBank** sẽ cấp miễn phí cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- 22.5 Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có ghi tên đó có thể yêu cầu **VietinBank** cấp lại cổ phiếu với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho **VietinBank**.
- 22.6 Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản cổ phiếu.
- 22.7 **VietinBank** có thể phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phiếu này theo quy định của Pháp luật.
- 22.8 **Cổ phiếu** của **VietinBank** được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ một lần.
- 22.9 **VietinBank** có quyền phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; **VietinBank** quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật và công khai các thông tin này vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

### **CHƯƠNG III:**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG**

##### **Mục 1:**

##### **Cơ cấu tổ chức quản lý**

- Điều 23** **Cơ cấu tổ chức quản lý**
- Cơ cấu tổ chức quản lý của **VietinBank**, gồm:
- 23.1 Đại hội đồng cổ đông.
- 23.2 Hội đồng quản trị.
- 23.3 Ban kiểm soát.
- 23.4 Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

**Mục 2:**  
**Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông**

**Điều 24      Cổ đông**

- 24.1      Cổ đông là những người sở hữu tối thiểu một cổ phần trở lên tại **VietinBank**, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
- 24.2      Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của **VietinBank**.
- 24.3      Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại **VietinBank** thực hiện theo khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

**Điều 25      Quyền của cổ đông**

- 25.1      Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- (a)      Tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- (b)      Được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- (c)      Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- (d)      Được ưu tiên mua cổ phần mới mà **VietinBank** chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu.
- (e)      Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác, cho người không phải là cổ đông và cho **VietinBank** phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- (f)      Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- (g)      Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của **VietinBank**, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- (h)      Trong trường hợp **VietinBank** bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ số cổ phần sở hữu, sau khi **VietinBank** đã thanh toán cho chủ nợ và các đối tượng ưu tiên khác theo quy định của Pháp luật.
- (i)      Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý.
- 25.2      Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của **VietinBank** trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền:
- (a)      Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý của **VietinBank** hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
  - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà không tổ chức đại hội đồng cổ đông để bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của **VietinBank**, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền

(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

(c) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

## **Điều 26 Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông **VietinBank** phải có các nghĩa vụ sau:

26.1 Tuân thủ Điều lệ **VietinBank** và các quy chế của **VietinBank**; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

26.2 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Hội đồng quản trị **VietinBank** quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của **VietinBank** trong phạm vi số vốn đã góp vào **VietinBank**;

26.3 Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi **VietinBank** dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của **VietinBank**, trừ trường hợp được **VietinBank** hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của **VietinBank** phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của **VietinBank** trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

26.4 Bảo vệ uy tín, tài sản và lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của **VietinBank**.

26.5 Cổ đông không được nhân danh **VietinBank** dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(a) Vi phạm pháp luật.

(b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của mình, của tổ chức, cá nhân khác.

(c) Các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của Pháp luật.

26.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

## **Điều 27 Đại hội đồng cổ đông**

27.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của **VietinBank**. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

27.2 Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này

27.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được uỷ quyền thông qua theo quy định tại Điều lệ này

**Điều 28****Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- (a) Thông qua định hướng hoạt động và phát triển của **VietinBank** theo đề xuất của Hội đồng quản trị;
- (b) Đại hội đồng cổ đông thường niên có trách nhiệm phải thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
- (c) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- (d) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- (đ) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa **VietinBank** với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của **VietinBank**; công ty con, công ty liên kết của **VietinBank**;
- (e) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của **VietinBank** có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- (f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị;
- (h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- (i) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- (k) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản **VietinBank**;
- (l) Quyết định thay đổi tên, nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động của **VietinBank**;
- (m) Thông qua quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- (n) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho **VietinBank** và cổ đông của **VietinBank**;
- (o) Đại hội đồng cổ đông thường niên có trách nhiệm phải thông qua Báo cáo của của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- (p) Quyết định các hợp đồng giao dịch của **VietinBank** không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của **VietinBank**. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên



quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

(q) Quyết định thành lập công ty con.

**Điều 29** **Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

29.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập và thời gian cách nhau không quá 15 (mười lăm) tháng giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

29.2 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của **VietinBank**.

(b) Tình hình tài chính của **VietinBank** cho thấy **VietinBank** bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(c) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 2/3 số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này.

(d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 25.2 Điều 25 Điều lệ này;

(e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của Người quản lý theo quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt thẩm quyền;

(f) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt nam;

(g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

29.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại các điểm a, b, c, d, e, f khoản 29.2 Điều này.

29.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 29.2 và 29.3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

29.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 29.4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của **VietinBank** quy định tại điểm d khoản 29.2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp.

29.6 Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam.

29.7 Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 29.3, 29.4 và 29.5 Điều này sẽ do **VietinBank** hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

29.8 Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy

định tại các khoản 29.3 và 29.4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với **VietinBank**.

**Điều 30 Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

- 30.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 29 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 30.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc đại hội dự kiến. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của **VietinBank**; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp.
- 30.4 Trường hợp đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (nếu cổ phiếu đã được niêm yết), trên website của **VietinBank**, 01 (một) tờ báo trung ương. Trường hợp chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho **VietinBank** bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong **VietinBank**, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. **VietinBank** có thể thông báo họp Đại hội đồng cổ đông trên website của **VietinBank** đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 30.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của **VietinBank** trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho **VietinBank** ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ

đồng, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

30.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 30.5 Điều này trong các trường hợp sau:

- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- (b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất trên 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông hoặc thời gian nắm giữ cổ phần không đủ 6 (sáu) tháng liên tục.
- (c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

30.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 30.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 30.6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 31 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

31.1 Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.

31.2 Trường hợp cổ đông là tổ chức mới sáp nhập, hợp nhất hoặc cá nhân, tổ chức thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì cá nhân, tổ chức kế thừa quyền cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi số cổ phần sở hữu hợp pháp.

31.3 Việc ủy quyền lập thành văn bản theo mẫu của **VietinBank** được Hội đồng quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền nộp văn bản này trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:

- (i) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp.
- (ii) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp.
- (iii) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp

31.4 Trừ trường hợp **VietinBank** nhận được thông báo bằng văn bản chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu bầu của người ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:

- (a) Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- (b) Huỷ bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.

- 31.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và đã được giải quyết chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 32 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**
- 32.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký xác nhận số cổ phần và loại cổ phần của mình.
- 32.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VietinBank sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 32.3 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- (a) Trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- (b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- (c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.
- (d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 32.4 Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc.
- 32.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ phản đối, thẻ bỏ phiếu trắng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối, bỏ phiếu trắng để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 32.6 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Tuy nhiên, Chủ tọa không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 32.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- (a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh khác để đảm bảo an toàn cho đại hội.
- (b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển

bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

32.8 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng:

- (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; hoặc
- (c) Chủ tọa có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các nội dung chưa được thông qua tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

32.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 32.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp được coi là hợp lệ như khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông bình thường.

32.10 Chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

32.11 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng cổ đông.

32.12 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- (a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
- (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
- (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

32.13 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
- (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.  
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.

- 32.14 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- Điều 33 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**
- 33.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 33.2 Trường hợp trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội đồng cổ đông mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định để tổ chức đại hội, cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ và phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 33.3 Trường hợp trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội đồng cổ đông lần thứ hai mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định để tổ chức đại hội, cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ và Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 33.4 Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.
- Điều 34 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**
- 34.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 34.2 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a, b, c, d, g, h, k Điều 28 phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 34.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- (a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền chấp thuận.
- (b) Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
- (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VietinBank;
- (ii) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- (iii) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VietinBank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VietinBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm



toán gần nhất;

(iv) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VietinBank.

34.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

34.5 Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

34.6 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người uỷ quyền tham dự đại diện cho 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu tán thành. Trường hợp này các quyết định của đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

34.7 Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

34.8 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

(a) Các hợp đồng quy định tại khoản 68.2 Điều 68 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

(b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.

34.9 Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

**Điều 35 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

35.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VietinBank.

35.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

35.3 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

35.4 Phiếu lấy ý kiến gửi về VietinBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VietinBank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều

- không hợp lệ.
- 35.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý **VietinBank**. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.
- 35.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 35.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- 35.8 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 36 Thay đổi các quyền**
- 36.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của **VietinBank** được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 36.2 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ này trước khi đưa ra Đại hội đồng cổ đông **VietinBank** quyết định.
- 36.3 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của **VietinBank** không bị thay đổi khi **VietinBank** phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
- Điều 37 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**
- 37.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản của **VietinBank**. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.
- 37.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 37.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông và Ngân hàng - Nhà nước trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
- Điều 38 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**
- Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường



hợp sau đây:

- 38.1 Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật; hoặc
- 38.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.

### **Mục 3:** **Hội đồng quản trị**

#### **Điều 39 Hội đồng quản trị**

- 39.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị **VietinBank**, có toàn quyền nhân danh **VietinBank** để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 39.2 Hội đồng quản trị của **VietinBank** có 11 thành viên trong đó có ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của **VietinBank**. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 39.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại. Một thành viên Hội đồng quản trị không đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được bầu bổ sung hoặc thay thế, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị của **VietinBank**, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của **VietinBank**, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước.
- 39.4 Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của **VietinBank**.
- 39.5 Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử 04 (bốn) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 39.6 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua không đủ số

- lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do **VietinBank** quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 39.7 Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Ban Thư ký tổng hợp của Hội đồng quản trị. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của Ban Thư ký Tổng hợp của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
- Điều 40** **Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị**
- 40.1 Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và trong những sai phạm về quản lý, vi phạm Điều lệ này và vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho **VietinBank**.
- 40.2 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của **VietinBank**.
- 40.3 Quyết định cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, sở giao dịch, chi nhánh, công ty con, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- 40.4 Quyết định việc mở Sở Giao dịch, chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
- 40.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ, Giám đốc Sở Giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- 40.6 Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 40.7 Cử người đại diện vốn góp của **VietinBank** tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- 40.8 Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của **VietinBank** có giá trị từ 10% so với vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.9 Thông qua các hợp đồng của **VietinBank** với công ty con, công ty liên kết của **VietinBank**; các hợp đồng của **VietinBank** với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của **VietinBank** ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- 40.10 Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
- 40.11 Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 40.12 Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

- 40.13 Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.14 Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VietinBank.
- 40.15 Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính đã kiểm toán của VietinBank theo quy định của pháp luật.
- 40.16 Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- 40.17 Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- 40.18 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VietinBank.
- 40.19 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 40.20 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VietinBank.
- 40.21 Quyết định mua lại cổ phần của VietinBank theo quy định của Pháp luật.
- 40.22 Trình báo cáo quyết toán tài chính đã kiểm toán hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 40.23 Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 40.24 Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- 40.25 Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
- 40.26 Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
- 40.27 Thông qua các hợp đồng, giao dịch của VietinBank theo quy định tại khoản 68.3 Điều 68 của Điều lệ này.
- 40.28 Quyết định việc cổ phần hóa, tổ chức lại, giải thể và phá sản công ty con của VietinBank.
- 40.29 Cử người đại diện phần vốn VietinBank đầu tư vào công ty liên kết và quyết định mức thù lao của người đó
- 40.30 Ban hành quy chế ủy quyền trong hệ thống VietinBank phù hợp với quy định của pháp luật
- 40.31 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.32 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 40.33 Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

**Điều 41****Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 41.1 Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của VietinBank.
- 41.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của VietinBank.
- 41.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành của Tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của VietinBank.
- 41.4 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- (a) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  - (b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Thực hiện quản trị hoạt động VietinBank.
  - (c) Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các cuộc họp Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
  - (d) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.
  - (e) Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VietinBank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  - (f) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.
  - (g) Chuẩn bị báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.
  - (h) Bảo đảm rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của VietinBank với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị.
  - (i) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
  - (j) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - (k) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị, tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
  - (l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- 41.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng



quản trị khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc **VietinBank** biết về việc uỷ quyền này.

**Điều 42 Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- 42.1 Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị **VietinBank** theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của **VietinBank**.
- 42.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của **VietinBank**.
- 42.3 Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người quản lý của **VietinBank**, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- 42.4 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 42.5 Hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
- 42.6 Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý các Đơn vị phụ thuộc **VietinBank** cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của **VietinBank** và các Đơn vị phụ thuộc để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 42.7 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của **VietinBank** trong từng thời kỳ.
- 42.8 Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
- 42.9 Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 42.10 Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi yêu cầu.
- 42.11 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

**Điều 43 Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị**

- 43.1 Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của **VietinBank**.
- 43.2 Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- 43.3 Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của **VietinBank** theo quy định của Pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo

- tài chính hàng năm của **VietinBank**, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
- 43.4 Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Điều 44 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**
- 44.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
- (b) Không thuộc đối tượng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.
- (c) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của **VietinBank**, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị hoặc có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của **VietinBank** hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.
- (d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết Pháp luật; đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 44.2 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại điểm 1.22 khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.
- Điều 45 Hợp Hội đồng quản trị**
- 45.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 45.2 Hội đồng quản trị **VietinBank** họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập.
- 45.3 Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường, theo đề nghị của:
- (a) Tổng giám đốc, hoặc ít nhất 5 người quản lý;
- (b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
- (c) Ban kiểm soát.
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có



quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị biết.

- 45.4 Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán, và tình hình **VietinBank** nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.
- 45.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại **VietinBank**. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- 45.6 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở **VietinBank** hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.
- 45.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất  $\frac{3}{4}$  (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
- 45.8 Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 45.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- (a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
  - (b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- 45.10 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản:
- (a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị

bằng văn bản.

- (b) Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến.
- (c) Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
- (d) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về VietinBank theo quy định của VietinBank.
- (e) Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập (Trường hợp chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, khi Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
- (f) Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- (g) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- (h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ngân hàng.
- (i) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Điều 46** Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị
- 46.1 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.
  - 46.2 Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:
    - (a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết.
    - (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VietinBank. Thành viên này, khi đó sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp Hội đồng quản trị về vấn đề mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
    - (c) Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một



thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

(d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 68.1 Điều 68 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

46.3 Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên không dự họp được biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết đựng trong phong bì kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 45.9 Điều 45 Điều lệ này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

**Điều 47 Biên bản họp hội đồng quản trị**

47.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi hình. Biên bản được lập bằng tiếng Việt với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.

47.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

**Điều 48 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

48.1 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

(a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.

(b) Chết.

(c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt. Thuộc đối tượng không được làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

(d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

(e) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

(f) VietinBank bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

- (g) Khi quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực mà thành viên Hội đồng quản trị đó không được bổ nhiệm lại.
- 48.2 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp:
- (a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
- (b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- (c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của **VietinBank** và Ngân hàng Nhà nước Việt nam trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.
- (d) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- (e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- (f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 48.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định thì Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 48.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị lên thay theo nguyên tắc đa số.
- Điều 49 Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**
- 49.1 Hội đồng quản trị của **VietinBank** thành lập và duy trì các Ủy ban sau:
- (a) Ủy Ban chính sách;
- (b) Ủy ban giám sát;
- (c) Ủy ban quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO);
- (d) Ủy Ban quản lý, xử lý rủi ro;
- (e) Ủy Ban nhân sự, tiền lương, thưởng.
- Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn của các thành viên của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 49.2 Ngoài các ủy ban giúp việc quy định tại khoản 49.1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban giúp việc khác phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, nếu cần thiết.
- 49.3 Hội đồng quản trị lập Ban thư ký làm việc thường xuyên, chuyên trách tại **VietinBank**. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **Mục 4:** **Tổng giám đốc**

- Điều 50 Tổng giám đốc**
- 50.1 Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của **VietinBank**.
- 50.2 Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của **VietinBank** và các quyền, nhiệm vụ được

giao. Tổng giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên hoặc không là thành viên của Hội đồng quản trị.

50.3 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tổng giám đốc không được đảm nhiệm chức vụ quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

50.4 Tổng giám đốc không đồng thời là người quản lý hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của **VietinBank**; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.

50.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:

(a) Trình Hội đồng quản trị của **VietinBank**:

- Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- Những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của **VietinBank**.
- Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của **VietinBank**.
- Việc tổ chức, quản trị và hoạt động của **VietinBank** nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của **VietinBank**, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị mà Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định nội bộ của **VietinBank**, Điều lệ này và pháp luật.

(b) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của **VietinBank** đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(c) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của **VietinBank**, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động và pháp luật.

(d) Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả.

(e) Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

(f) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn) vì lợi ích của **VietinBank** và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

(g) Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

(h) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

(i) Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các chức danh quản lý trong **VietinBank**,

- trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định nội bộ của **VietinBank**. Quyết định mức lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.
- (k) Lập các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của **VietinBank** (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của **VietinBank** theo kế hoạch kinh doanh.
- (l) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- (m) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả hoạt động kinh doanh của **VietinBank** theo quy định của Điều lệ và quy định của Pháp luật.
- (o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- Điều 51** **Giúp việc cho Tổng giám đốc**
- 51.1 Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban chức năng của **VietinBank**, trưởng các đơn vị phụ thuộc.
- 51.2 Tổng giám đốc dự kiến phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt
- 51.3 Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 năm. Phó Tổng giám đốc không được đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
- 51.4 Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của **VietinBank**, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.
- Điều 52** **Lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc**
- Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của **VietinBank** theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của **VietinBank** và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Điều 53** **Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc**
- 53.1 Tổng giám đốc **VietinBank** phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- (b) Không thuộc đối tượng không được làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng.
- (c) Có đạo đức nghề nghiệp;
- (d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- (e) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của **VietinBank** hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín

- dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
- (f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp;
- (g) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 53.2 Phó Tổng giám đốc **VietinBank** phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- (b) Không thuộc đối tượng không được làm Phó Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng;
- (c) Có đạo đức nghề nghiệp;
- (d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- (đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 53.3 Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
- (a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của VietinBank.
- (b) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
- 53.4 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của VietinBank:
- (a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- (c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- (d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- (đ) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VietinBank;
- (e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VietinBank.
- Điều 54 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc**
- 54.1 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
- (a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 53 tại Điều lệ này.
- (b) Chết.

- (c) Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam. Thuộc đối tượng không được làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng.
- (d) **VietinBank** bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- (e) Khi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản không chấp thuận chuẩn y chức danh Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị không bổ nhiệm tiếp Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc khi hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn hợp đồng và không gia hạn hợp đồng thuê.
- (f) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc hết hiệu lực.
- 54.2 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - (a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
  - (b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị **VietinBank** trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.
  - (c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
  - (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 54.3 Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo điểm c khoản 54.2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó tổng giám đốc theo điểm c khoản 54.2 khi có nhiều hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành.
- 54.4 Trong trường hợp Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và cử người tạm thay thế. Sau đó Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

## Mục 5: Ban kiểm soát

### Điều 55 Ban kiểm soát

- 55.1 Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành **VietinBank**, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 55.2 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách trên 1/2 tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại **VietinBank** hoặc doanh nghiệp khác.
- 55.3 Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% (Năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) thành viên Ban kiểm soát; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử 02 (hai) thành viên; từ

30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử 04 (bốn) thành viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

55.4 Ban kiểm soát bầu một thành viên là cổ đông hoặc người đại diện cổ đông làm Trưởng Ban kiểm soát.

55.5 Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

55.6 Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(a) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của VietinBank hoặc công ty con của VietinBank hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VietinBank là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

(b) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại VietinBank.

## **Điều 56 Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

56.1 Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành **VietinBank**; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

56.2 Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo, trước khi ban hành cần tham khảo thống nhất ý kiến của Hội đồng quản trị.

56.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của **VietinBank**, báo cáo đánh giá công tác quản lý Hội đồng quản trị. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát cần tham khảo và có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

56.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của **VietinBank** liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành **VietinBank** nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của **VietinBank** trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

- 56.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của **VietinBank** trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của **VietinBank**.
- 56.6 Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của **VietinBank**.
- 56.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của **VietinBank**.
- 56.8 Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của **VietinBank** đối với nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- 56.9 Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ. Có bộ phận giúp việc và được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của **VietinBank** để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- 56.10 Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 56.11 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
- 56.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Pháp luật.
- Điều 57 Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát**  
Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
- 57.1 Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 56 Điều lệ này. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
- 57.2 Triệu tập và chủ toạ cuộc họp Ban kiểm soát.
- 57.3 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của **VietinBank**.
- 57.4 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
- 57.5 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.



- 57.6 Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
- 57.7 Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
- 57.8 Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
- 57.9 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- Điều 58 Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát**  
Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
- 58.1 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của **VietinBank**, Đại hội đồng cổ đông.
- 58.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
- 58.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.
- 58.4 Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục sai phạm nếu có.
- 58.5 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân cho các đánh giá và kết luận của mình.
- 58.6 Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 56 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.
- 58.7 Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VietinBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 58.8 Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.
- 58.9 Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- 58.10 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- Điều 59 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**
- 59.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 59.2 Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do **VietinBank** phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 59.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của **VietinBank** theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Điều 60 Thù lao của thành viên Ban kiểm soát**
- 60.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích



khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên Ban kiểm soát.

60.2 Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được **VietinBank** thanh toán với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

60.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của **VietinBank** theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 61 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

61.1 Từ đủ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

61.2 Không thuộc đối tượng không được làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật.

61.3 Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

61.4 Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của **VietinBank** hoặc công ty con của **VietinBank**;

61.5 Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại **VietinBank**;

61.6 Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

61.7 Không phải là Người có liên quan của Người quản lý của **VietinBank**.

61.8 Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác.

61.9 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.

#### **Điều 62 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

62.1 Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

(a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này.

(b) Chết.

(c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt. Thuộc đối tượng không được làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

(d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

(e) Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- (f) **VietinBank** bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
- 62.2 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- (a) Năng lực dân sự bị hạn chế.
- (b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- (c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của **VietinBank** trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 ngày.
- (d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- (e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- 62.3 Trường hợp Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho **VietinBank** thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát hoặc thành viên mới thay thế.
- 62.4 Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
- 62.5 Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của Pháp luật tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của **VietinBank** thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
- 62.6 Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban kiểm soát, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông hoặc đại diện cổ đông, trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của **VietinBank**, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
- 62.7 Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- 62.8 Trường hợp bị giảm quá 1/3 số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành



viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ **VietinBank**, trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

62.9 Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

**Điều 63 Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát.**

63.1 Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

63.2 Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:

(a) Ít nhất 02 thành viên Ban kiểm soát;

(b) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

(c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

63.3 Ban kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát (thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở các quy định đối với cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này

**Mục 6:**

**Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ**

**Điều 64 Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ**

64.1 **VietinBank** thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ độc lập, xuyên suốt trong toàn hệ thống **VietinBank**, giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành, điều hành thông suốt, kiểm soát an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của **VietinBank**.

64.2 **VietinBank** thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các công ty trực thuộc, công ty con.

**Điều 65 Hệ thống kiểm toán nội bộ**

65.1 **VietinBank** thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của **VietinBank**, bao gồm là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong **VietinBank**, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo **VietinBank** hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

65.2 Kiểm toán nội bộ của **VietinBank** được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.

65.3 Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của **VietinBank** và trên cơ sở đề nghị

của Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

## Mục 7:

### Nghĩa vụ của Người điều hành, Người quản lý của VietinBank và thành viên Ban kiểm soát

#### Điều 66 Công khai các lợi ích có liên quan

66.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VietinBank phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VietinBank bao gồm:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó trở lên, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc hoặc tổng giám đốc.

66.2 Việc kê khai quy định tại khoản 66.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với VietinBank trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

66.3 Việc kê khai quy định tại khoản 66.1 và 66.2 Điều này phải được thông báo cho Hội đồng quản trị VietinBank và được lưu giữ tại trụ sở chính của VietinBank.

#### Điều 67 Nghĩa vụ của Người quản lý của VietinBank và thành viên Ban kiểm soát

Người quản lý VietinBank có nghĩa vụ:

67.1 Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ VietinBank, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

67.2 Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của VietinBank và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

67.3 Trung thành với lợi ích của VietinBank và cổ đông của VietinBank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VietinBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VietinBank để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của VietinBank.

67.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị VietinBank về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá

nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

67.5 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với **VietinBank** hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của **VietinBank**.

67.6 Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình vay vốn **VietinBank** với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Pháp luật và quy định của **VietinBank**.

67.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

**Điều 68 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận**

68.1 Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 77, 78, 79, 80 của Luật các tổ chức tín dụng) giữa **VietinBank** với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

(a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông của **VietinBank** trở lên và những người có liên quan tới họ.

(b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

(c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 66.1 Điều 66 Điều lệ này và Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

68.2 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 68.1 Điều này có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% vốn tự có của **VietinBank** phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông đó không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu là của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

68.3 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 68.1 Điều này có giá trị dưới 20% vốn tự có của **VietinBank** phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng giám đốc **VietinBank** gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của **VietinBank** dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

68.4 Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 68.2 và 68.3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho **VietinBank** bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại **VietinBank** các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 69 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và người quản lý không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng,

mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của VietinBank do hành vi vi phạm của mình gây ra.

## **CHƯƠNG IV:**

### **MỐI QUAN HỆ GIỮA VIETINBANK VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN**

#### **Mục 1:**

#### **Các đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank**

**Điều 70 Các Đơn vị, Công ty con, Công ty liên kết của VietinBank**

- 70.1 VietinBank có các Đơn vị phụ thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 70.2 VietinBank có thể thành lập các Đơn vị phụ thuộc ở trong nước và nước ngoài để hỗ trợ hoạt động của VietinBank theo quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

#### **Mục 2:**

#### **Quan hệ giữa VietinBank với các Đơn vị phụ thuộc**

**Điều 71 Quan hệ giữa VietinBank với các đơn vị phụ thuộc**

Các Đơn vị phụ thuộc của VietinBank, được tổ chức các hoạt động kinh doanh, thực hiện hạch toán, quản lý tổ chức nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của VietinBank và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế hoạt động của các Đơn vị phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

#### **Mục 3:**

#### **Quan hệ giữa VietinBank với các Công ty có liên quan**

**Điều 72 Quản lý phần vốn góp của VietinBank tại Công ty có liên quan**

- 72.1 VietinBank giao quyền cho người đại diện của VietinBank trực tiếp thay mặt VietinBank quản lý các khoản đầu tư của VietinBank tại các Công ty có liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.
- 72.2 VietinBank quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của VietinBank và quy định của Pháp luật.
- 72.3 Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện của VietinBank tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện cụ thể.

**Điều 73 Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan**

- 73.1 Khi VietinBank nắm quyền chi phối đối với một Công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:
- (a) Biểu quyết việc phê duyệt điều lệ hoạt động.
- (b) Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh.

- (c) Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.
  - (d) Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài Công ty có liên quan.
  - (e) Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan.
  - (f) Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của **VietinBank** đầu tư vào các Công ty có liên quan.
  - (g) Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định của Pháp luật.
- 73.2 **VietinBank** sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện của **VietinBank** thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

## CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

### Mục 1:

#### Hệ thống kế toán và năm tài chính

#### **Điều 74      Hệ thống kế toán**

- 74.1      Hệ thống kế toán **VietinBank** sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- 74.2      **VietinBank** sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- 74.3      Các sổ sách kế toán của **VietinBank** được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 75      Năm tài chính**

Năm tài chính của **VietinBank** bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

### Mục 2:

#### Kiểm toán và con dấu

#### **Điều 76      Kiểm toán**

- 76.1      Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của **VietinBank** cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác có liên quan của Pháp luật.
- 76.2      Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của **VietinBank**.
- 76.3      **VietinBank** sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.



- 76.4 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của **VietinBank**, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho **VietinBank** phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.
- 76.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của **VietinBank** sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
- Điều 77 Con dấu**
- 77.1 Con dấu của **VietinBank** được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 77.2 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng con dấu của **VietinBank** theo quy định của Pháp luật.

### Mục 3:

#### Lợi nhuận và trích lập các quỹ

- Điều 78 Trích lập quỹ**
- 78.1 **VietinBank** trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật.
- 78.2 Lợi nhuận của **VietinBank** sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:
- (a) Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng.
- (c) Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do **VietinBank** tự quyết định.
- Điều 79 Phân chia lợi nhuận sau thuế**
- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của **VietinBank** được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Điều 80 Trả cổ tức**
- 80.1 Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. **VietinBank** chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ **VietinBank** và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, **VietinBank** vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
- 80.2 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 80.3 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của **VietinBank** do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- 80.4 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của **VietinBank** hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.
- Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi **VietinBank** đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. **VietinBank** không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 80.5 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Thông báo phải ghi rõ tên **VietinBank**; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của **VietinBank**.
- 80.6 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ **VietinBank**.
- 80.7 Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của **VietinBank**.
- 80.8 Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. **VietinBank** không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
- 80.9 **VietinBank** không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

## CHƯƠNG VI: SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

### Điều 81 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 81.1 Báo cáo tài chính hàng năm của **VietinBank** bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài

chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo trên, **VietinBank** lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh; báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

81.2 Báo cáo tài chính hàng năm của **VietinBank** phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. Tổng giám đốc **VietinBank** tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 81.1 Điều này.

81.3 **VietinBank** sẽ lập các báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý và nộp các cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

81.4 Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 81.1 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của **VietinBank**, các báo cáo về tình hình tài chính của **VietinBank**, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành **VietinBank** và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

81.5 Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại Trụ sở chính **VietinBank** và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính **VietinBank** và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. **VietinBank** có trang web riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của **VietinBank** phải được công bố trên trang website đó.

81.6 Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

## **Điều 82 Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng**

82.1 Cổ đông của **VietinBank** có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ **VietinBank**, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

82.2 Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 82.1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của **VietinBank** trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách **VietinBank** theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

82.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của **VietinBank**, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của **VietinBank** để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại **VietinBank** và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

## **Điều 83 Chế độ lưu giữ tài liệu của VietinBank**

83.1 **VietinBank** lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính **VietinBank**:

- (a) Điều lệ **VietinBank**; sửa đổi, bổ sung Điều lệ **VietinBank**; quy chế quản lý nội bộ của **VietinBank**; sổ đăng ký cổ đông.
  - (b) Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
  - (c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của **VietinBank**.
  - (d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; các quyết định của **VietinBank**.
  - (e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
  - (f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
  - (g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của **VietinBank**.
  - (h) Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của **VietinBank**.
  - (i) Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Tập đoàn.
  - (j) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 83.2 Bản sao các báo cáo, tài liệu quyết toán hàng năm của **VietinBank**, của các Công ty trực thuộc và các báo cáo tài chính hợp nhất được lưu giữ ở các chi nhánh của **VietinBank** trên lãnh thổ Việt Nam
- 83.3 Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 83.1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 83.4 Tổng giám đốc **VietinBank** chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu **VietinBank** theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- Điều 84 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**
- VietinBank** phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Pháp luật liên quan.

## CHƯƠNG VII:

### TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

- Điều 85 Tổ chức lại**
- Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi **VietinBank** thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.
- Điều 86 Giải thể VietinBank**
- 86.1 **VietinBank** bị giải thể trong những trường hợp sau:
- (a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - (b) Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời

hạn 6 tháng liên tục.

- (c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 86.2 **VietinBank** chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- 86.3 Các quyết định giải thể **VietinBank** do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Việc thanh lý tài sản của **VietinBank** do giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
- 86.4 Chậm nhất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể **VietinBank**, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của **VietinBank** hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được **VietinBank** ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của **VietinBank**.
- 86.5 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt **VietinBank** trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý **VietinBank** trước các cơ quan liên quan.
- 86.6 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
- (a) Các chi phí thanh lý.
  - (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.
  - (c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà **VietinBank** phải trả cho Nhà nước Việt Nam.
  - (d) Các khoản vay và nợ khác của **VietinBank**.
  - (e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.
- 86.7 Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể **VietinBank** thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

## **Điều 87 Phá sản VietinBank**

Việc phá sản **VietinBank** được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

**CHƯƠNG VIII:**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI**  
**VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG**

**Điều 88**      **Giải quyết tranh chấp nội bộ**

88.1            Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của **VietinBank** hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Pháp luật quy định, giữa:

- (a)            Một cổ đông hay các cổ đông với **VietinBank**.
- (b)            Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý của **VietinBank**.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp

88.2            Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

88.3            Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

**Điều 89**      **Sửa đổi và bổ sung Điều lệ**

89.1            Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

89.2            Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của **VietinBank** chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động của **VietinBank**.

**CHƯƠNG IX:**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 90**

**Điều khoản chung**

- 90.1 Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của **VietinBank** cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- 90.2 Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 90.3 Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc **VietinBank** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
- 90.4 Điều lệ được lập thành 10 bản gốc có giá trị như nhau, được lưu giữ và được nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- 90.5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ **Vietinbank** chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị **VietinBank**.
- 90.6 Điều lệ này được thông qua và ban hành tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Huy Hùng**

0.2.0

0.2.0

0.2.0



u  
L  
u

u  
L  
u

L  
u  
u

10

11

12

13